

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HSST
Ngày: 04-5-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dân.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Liên.
2. Bà H' Rum Niê.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Long - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 05 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2021/HSST ngày 20 tháng 4 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đinh Văn H**, sinh năm 1982 tại tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Không; nơi cư trú: Tổ X, ấp Y, xã H1, huyện T, tỉnh Đồng Nai; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn D (đã chết) và bà: Trần Thị K, sinh năm 1962, trú tại: tỉnh Thái Bình; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1984; bị cáo có 05 người con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2015;

Tiền án: Ngày 13/4/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm tù giam về tội: Trộm cắp tài sản, tại bản án số: 54/2016/HSST. Bị cáo kháng cáo và Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử y án sơ thẩm tại bản án số 162/2016/HSPT ngày 20/6/2016. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/01/2018;

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 28/12/1999, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 tháng tù giam về tội: Trộm cắp tài sản, tại bản án số: 407/HSST, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt là ngày 31/8/1999. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/02/2000 (*Đã được xóa án tích*).

- Ngày 19/8/2002, bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 09 tháng tù về tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, tại bản án số: 85/HSST. (*Đã được xóa án tích*).

- Ngày 17/10/2005, bị Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xử phạt 28 tháng tù giam về tội: Trộm cắp tài sản, tại bản án số: 39/2005/HS-ST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/10/2007. (*Đã được xóa án*

tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22 tháng 3 năm 2020, hiện bị cáo đang bị tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Công Nhật P** (Tên gọi khác: N); sinh năm 1981 tại tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; nơi cư trú: Ấp W, xã lộ Z, huyện T, tỉnh Đồng Nai; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Công Cuốn S (đã chết) và bà: Nguyễn Thị F, sinh năm 1956, trú tại: Ấp W, xã Lộ Z, huyện T, tỉnh Đồng Nai; bị cáo có vợ là Lê Thị H2, sinh năm 1987 (đã ly hôn); bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2007;

Tiền án: Ngày 13/4/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm tù giam về tội: Trộm cắp tài sản, tại bản án số: 54/2016/HSST. Bị cáo kháng cáo và Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử y án sơ thẩm tại bản án số 162/2016/HSPT ngày 20/6/2016. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/01/2018.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22 tháng 3 năm 2020, hiện bị cáo đang bị tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn Đ**; sinh năm 1986 tại tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Kinh doanh; nơi cư trú: Khu phố J, phường TH, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K2, sinh năm 1955 và bà: Vũ Thị S1, sinh năm 1962, cùng trú tại: xóm HY, xã BL, huyện GT, tỉnh Nam Định; bị cáo có vợ là Trần Thị Ng, sinh năm 1990; bị cáo có 04 người con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25 tháng 3 năm 2020, hiện bị cáo đang bị tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1. Chị Trần Thị Thùy A1, sinh năm 1987; trú tại: Thôn TH, xã EK, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

2. Anh Đinh Văn A2, sinh năm 1992; trú tại: Thôn Z1, xã QS, huyện ĐG, tỉnh Đắk Nông (Có mặt).

3. Chị Đỗ Diễm A3, sinh năm 1985; trú tại: Thôn Z2, xã T, huyện BD, tỉnh Bình Phước (Vắng mặt).

4. Chị Lê Thị Mộng A4, sinh năm 1983; trú tại: Thôn KC, xã DB, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

5. Anh Lê Mạnh A5, sinh năm 1981; trú tại: Thôn GT, xã TG, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

6. Anh Trần Anh A6, sinh năm 1990; trú tại: Thôn Z3, xã NT, huyện BD, tỉnh Bình Phước (Vắng mặt).

7. Anh Nguyễn Văn A7, sinh năm 1990; trú tại: Thôn NS, xã NĐ, huyện KN, tỉnh Đắk Nông (Vắng mặt).

8. Chị Nguyễn Thị A8, sinh năm 1984; trú tại: Thôn TH, xã EH, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

- Người bào chữa:

+ Người bào chữa cho bị cáo Công Nhật P theo yêu cầu của Tòa án: Ông Nguyễn Đình H3 – Luật sư văn phòng Luật sư W thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: HV, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

+ Người bào chữa cho bị cáo Đinh Văn H theo yêu cầu của Tòa án: Bà Nguyễn Thị Bích H4 – Luật sư văn phòng Luật sư W thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: HV, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

+ Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ theo yêu cầu của gia đình bị cáo: Ông Lê Văn S1 – Luật sư Công ty Luật BSG thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: TQD, phường PC, thành phố TD, tỉnh Bình Dương (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đinh Văn H và Công Nhật P là bạn bè với nhau. Tháng 11/2018, P và H đều cùng chấp hành xong án phạt tù về tội trộm cắp tài sản trở về địa phương sinh sống, P và H rủ nhau đi trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu xài. Đến tháng 5/2019, H đến Cửa hàng mua bán điện thoại di động của Nguyễn Văn Đ, tại địa chỉ: Khu phố F1, phường TH, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai, mua thẻ Card điện thoại, rồi đặt vấn đề với Đ về việc thu mua điện thoại di động đã qua sử dụng, thì Đ đồng ý, H xin số điện thoại của Đ để liên hệ khi có “hàng” sẽ bán cho Đ, Đ biết “hàng” là tài sản H trộm cắp được sẽ bán cho mình nên đồng ý mua. Sau đó, H cùng P về mua xà beng, con đội, tuốc nơ vít và sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển số 60B9-213.65 của P để làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Từ tháng 6/2019 đến tháng 02/2020, H và P đã thực hiện 08 vụ trộm cắp tài sản tại địa bàn các tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông và Bình Phước. Sau khi trộm cắp được tài sản, H và P bán cho Đ rồi chia đôi số tiền để tiêu xài cá nhân. Cụ thể:

- **Vụ thứ 1:** Ngày 14/6/2019, Đinh Văn H cùng Công Nhật P sử dụng xe mô tô biển số 60B9-213.65 đi đến thôn TH, xã EK, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk, phát hiện Cửa hàng điện thoại di động “TP” của chị Trần Thị Thùy A1 làm chủ có nhiều người mua, bán nên H và P đi đến rầy cà phê gần đó mắc võng nằm nghỉ. Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 15/6/2019, P và H quay lại Cửa hàng điện thoại “TP”, sử dụng cây gậy nhặt được gần đó cạy cửa từ dưới lên (dạng cửa cuốn bằng kim loại), tạo độ hở rồi chèn đá học vào để H chui vào trong, còn P đứng ở ngoài canh giới. Khi vào trong, H đến bàn bán hàng của nhân viên lấy chìa khóa mở tủ kính lấy 48 điện thoại di động các loại và 88 thẻ card điện thoại các mạng có mệnh giá từ 20.000 đến 200.000 đồng. Sau khi trộm cắp được tài sản, H và P cùng đi về tỉnh Đồng Nai, trên đường về H điện thoại cho Nguyễn Văn Đ thông báo có “hàng” thì được Đ đồng ý mua. Sau đó, H và P đưa tất cả số tài sản trộm cắp bán cho Đ được 38.000.000 đồng.

Trong vụ này, bị hại trình bày ngoài tài sản bị mất nói trên còn bị mất 01 chỉ vàng 9999. Tuy nhiên, H và P không thừa nhận và không có giấy tờ, tài liệu gì chứng minh số vàng bị mất nên không có căn cứ để xem xét xử lý.

- **Vụ thứ 2:** Khoảng 01 giờ 30’ ngày 10/8/2019, H và P sử dụng xe mô tô biển số 60B9-213.65 chở nhau đến Thôn Z5, xã QK, huyện ĐG, tỉnh Đắk Nông phát hiện

Cửa hàng điện thoại di động “Hoàng A2” của anh Đinh Văn A2 đang đóng cửa (loại cửa cuốn bằng kim loại), P đứng ngoài cánh giới, còn H dùng xà beng cạy cửa đột nhập vào trong lấy 106 điện thoại di động các loại (cả mới và cũ). Sau đó, H và P đưa tài sản trên về bán cho Đ được 58.000.000 đồng.

- **Vụ thứ 3:** Khoảng 01 giờ 30’ ngày 09/9/2019, P và H sử dụng xe mô tô biển số 60B9-213.65 chở nhau đến Thôn 3, xã T, huyện BD, tỉnh Bình Phước, phát hiện Cửa hàng điện thoại “Sư A3 68” của chị Đỗ Diễm A3 đang khóa cửa (loại cửa cuốn bằng kim loại, không khóa), P đứng bên ngoài cánh giới, còn H sử dụng tay nâng cửa lên đột nhập vào trong mở tủ lấy 345 thẻ card điện thoại chưa sử dụng; 04 Ipad nhãn hiệu Iphone và 28 điện thoại di động các loại (mới và cũ). Sau đó, H và P bán cho Đ được 61.000.000 đồng.

- **Vụ thứ 4:** Khoảng 01h30’ ngày 11/10/2019, P và H sử dụng xe mô tô biển số 60B9-213.65 chở nhau đến thôn KC, xã DB huyện CK, tỉnh Đắk Lắk; phát hiện thấy Cửa hàng điện thoại “QV” của chị Lê Thị Mộng A4 đang khóa cửa (dạng cửa cuốn bằng kim loại), H và P sử dụng cây gỗ nhét được gần hiện trường cạy cửa cuốn của Cửa hàng rồi chèn 02 viên gạch tạo độ hở để H đột nhập vào trong mở tủ lấy 50 điện thoại di động các loại (40 điện thoại mới, 10 điện thoại cũ) và 04 máy tính bảng chưa qua sử dụng. Sau đó, H và P bán cho Đ được 60.000.000 đồng.

- **Vụ thứ 5:** Khoảng 01h00’ ngày 02/01/2020, P và H sử dụng xe mô tô biển số 60B9-213.65 chở nhau đến thôn NT, xã NĐ, huyện KN, tỉnh Đắk Nông phát hiện Cửa hàng điện thoại di động “A7 Đắk” của anh Nguyễn Đắc A7 đang khóa cửa (cửa được làm bằng kim loại, dạng kéo ra hai bên), P đứng ngoài cánh giới, còn H sử dụng xà beng, cạy cửa đột nhập vào trong lấy 04 laptop đã qua sử dụng, 22 điện thoại di động các loại đã qua sử dụng. Sau đó, H và P bán cho Đ được 16.000,000 đồng.

- **Vụ thứ 6:** Khoảng 01h00’ ngày 08/02/2020, P và H sử dụng xe mô tô biển số 60B9-213.65 chở nhau đến thôn GT, xã TG, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk phát hiện Cửa hàng điện thoại di động “Thành A5” do anh Lê Mạnh A5 làm chủ đang khóa cửa (cửa cuốn làm bằng kim loại), P đứng ngoài cánh giới, còn H sử dụng xà beng, con đội mang theo cạy cửa đột nhập vào trong lấy 18 điện thoại di động các loại (09 điện thoại mới, 09 điện thoại cũ) và 01 camera hiệu Witacam Wifi. Sau đó, H và P bán cho Đ được 18.000.000 đồng.

- **Vụ thứ 7:** Khoảng 20 giờ 00’ ngày 14/02/2020, P và H sử dụng xe mô tô biển số 60B9-213.65 chở nhau đến thôn TH, xã EH, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk phát hiện Cửa hàng điện thoại di động “ND” của ông Nguyễn Vũ Kh đang đóng cửa nên P đứng ngoài cánh giới, còn H đi ra phía sau cửa hàng dùng tay nhấc cửa sau lên đẩy thụt vào trong (cửa làm bằng kim loại, dạng đẩy có bánh xe, không khóa) đột nhập vào trong lấy 40 điện thoại di động các loại (cả mới và cũ). Sau đó, H và P bán cho Đ được 38.000.000 đồng.

- **Vụ thứ 8:** Khoảng 02h00’ ngày 19/02/2020, P và H sử dụng xe mô tô trên đến xã NT, huyện BD, tỉnh Bình Phước phát hiện Cửa hàng điện thoại di động “TA” của anh Trần Anh A6 đang đóng cửa nên P đứng ngoài cánh giới, còn H sử dụng xà beng, con đội mang theo cạy cửa (dạng cửa cuốn bằng kim loại) đột nhập vào trong lấy 53 điện thoại di động các loại (cả mới và cũ). Sau đó, H và P bán cho Đ được 30.000.000 đồng.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 50/KL-HĐĐG ngày 02/8/2019, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện KP, tỉnh Đắk Lắk, xác định: Tổng giá trị tài sản được định giá trong vụ trộm cắp tài sản, xảy ra ngày 15/6/2019, tại thôn TH, xã EK, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk là 201.980.000 đồng.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 38/KLĐG ngày 09/9/2019, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện ĐG, tỉnh Đắk Nông, xác định: Tổng giá trị tài sản được định giá trong vụ trộm cắp tài sản, xảy ra ngày 10/8/2019, tại Thôn 4, xã QK, huyện ĐG, tỉnh Đắk Nông là 465.800.800 đồng.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 36/KLĐG ngày 05/4/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện BD, tỉnh Bình Phước, xác định: Tổng giá trị tài sản được định giá trong vụ trộm cắp tài sản, xảy ra ngày 09/9/2019, tại Thôn 3, xã T, huyện BD, tỉnh Bình Phước là 221.000.000 đồng.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 07/KL-HĐĐG ngày 14/02/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện CK, tỉnh Đắk Lắk, xác định: Tổng giá trị tài sản được định giá trong vụ trộm cắp tài sản, xảy ra ngày 11/10/2019, tại thôn KC, xã DB, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk là 130.400.000 đồng.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 20/KL-HĐĐG ngày 14/5/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện KN, tỉnh Đắk Nông, xác định: Tổng giá trị tài sản được định giá trong vụ trộm cắp tài sản, xảy ra ngày 02/01/2020, tại thôn NT, xã NĐ, huyện KN, tỉnh Đắk Nông là 35.350.000 đồng.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 18/KL-HĐĐG ngày 31/3/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện KN, tỉnh Đắk Lắk, xác định: Tổng giá trị tài sản được định giá trong vụ trộm cắp tài sản, xảy ra ngày 08/02/2019, tại thôn GT, xã TG, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk là 22.408.000 đồng.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 17/KL-HĐĐG ngày 31/3/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện KN, tỉnh Đắk Lắk, xác định: Tổng giá trị tài sản được định giá trong vụ trộm cắp tài sản, xảy ra ngày 14/02/2019, tại thôn TH, xã EH, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk là 107.704.000 đồng.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 32/KLĐG ngày 01/4/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện BD, tỉnh Bình Phước, xác định: Tổng giá trị tài sản được định giá trong vụ trộm cắp tài sản, xảy ra ngày 19/02/2020, tại Thôn Z3, xã NT, huyện BD, tỉnh Bình Phước là 81.170.000 đồng.

Tổng tài sản các bị cáo chiếm đoạt của người bị hại là 1.261.912.800 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 127/CT-VKS-P2 ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk truy tố các bị cáo Đinh Văn H, Công Nhật P, Nguyễn Văn Đ, về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cơ bản như bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo.

Tại phiên tòa, người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử các bị cáo theo quy định của pháp luật. Về phần trách nhiệm dân sự đề nghị buộc các bị cáo phải bồi thường cho người bị hại số tiền theo như Bản kết luận định giá tài sản đã định giá tài sản bị trộm cắp.

Tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đã đưa ra các chứng cứ buộc tội, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả đối với hành vi phạm tội của các bị cáo, đồng thời giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, như bản cáo trạng số: 127/CT-VKS-P2 ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Đinh Văn H, Công Nhật P, Nguyễn Văn Đ phạm tội: “Trộm cắp tài sản”;

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Đinh Văn H từ 15 năm đến 17 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 22 tháng 3 năm 2020.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm s khoản 1,2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Công Nhật P từ 15 năm đến 17 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 22 tháng 3 năm 2020.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 12 năm đến 14 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 25 tháng 3 năm 2020.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo liên đới trả cho những người bị hại tổng số tiền 1.261.912.800 đồng.

Về xử lý vật chứng:

* Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

- 01 xe mô tô biển số 60B9-213.65 (kèm theo 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 60B9-213.65 mang tên Phan Thị Thu V (*bản sao*)); 01 điện thoại di động Nokia màu đen, có số IMEI là 355820091816399 của Công Nhật P;

- 01 điện thoại di động Nokia màu đen, số IMEI là 354198109974075, có gắn 01 sim Viettel, số seri 8984048000043548175 của Nguyễn Văn Đ;

- 15 thẻ sim viettel, 09 thẻ sim Vinaphone, 09 thẻ sim Mobifone, 12 thẻ sim Vienammobile, 42 điện thoại di động; 05 máy tính bảng đã qua sử dụng; 396 thẻ cào điện thoại (*tổng giá trị thẻ cào 14.080.000 đồng*) thu giữ tại cửa hàng của Nguyễn Văn Đ

* Trả lại cho bị can Công Nhật P 01 giấy phép lái xe mô tô và 01 giấy CMND mang tên Công Nhật P.

* Tịch thu tiêu hủy vật chứng của vụ án gồm:

- 01 xà beng, 01 tăng (nâng) dài khoảng 40cm; 01 tuốc nơ vít; 01 móc lục giác hình chữ L; 01 đôi bao tay và 01 kìm dài khoảng 20cm màu đỏ đen của Công Nhật P.

- 01 cây gỗ; 02 viên gạch, 01 viên đá hộc và 01 khối gạch kích thước (34x18,5x7)cm thu giữ khi khám nghiệm hiện trường.

- 80 vỏ hộp điện thoại di động thu giữ trong quá trình điều tra, không còn giá trị sử dụng.

* Tiếp tục tạm giữ: Của bị cáo Đinh Văn H số tiền 5.000.000 đồng, của bị cáo Nguyễn Văn Đ số tiền 12.000.000 đồng để đảm bảo công tác thi hành án.

Luật sư Nguyễn Thị Bích H4 bào chữa cho bị cáo Đinh Văn H cho rằng: Việc VKS truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, xét mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là quá nặng. Bởi lẽ, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, hoàn cảnh gia đình quá khó khăn nhưng đã nộp 5.000.000 đồng để bồi thường cho người bị hại. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng đề nghị HĐXX giải quyết theo pháp luật.

Luật sư Nguyễn Đình H3 bào chữa cho bị cáo Công Nhật P cho rằng: Việc VKS truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, xét mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là quá nặng và cần xem xét lại phần định giá tài sản trong vụ án. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là người dân tộc thiểu số nhận thức pháp luật hạn chế. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc cho bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng đề nghị HĐXX giải quyết theo pháp luật.

Luật sư Lê Văn S1 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ cho rằng: Việc VKS truy tố bị cáo Đ về tội “Trộm cắp tài sản” là chưa đủ căn cứ mà bị cáo phạm tội khác nhẹ hơn nên đề nghị HĐXX bác việc truy tố tại bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên bị cáo Đ không phạm tội “ Trộm cắp tài sản”. Việc định giá tài sản vi phạm nghiêm trọng có hệ thống, việc VKS đánh chính là không đúng quy định nên không coi đây là chứng cứ trong vụ án. Những người bị hại không tham gia tố tụng là từ bỏ quyền lợi của mình nên đề nghị HĐXX không buộc các bị cáo phải bồi thường cho những người này. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là quá nặng. Bởi lẽ, bị cáo là người có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tự nguyện khắc phục một phần hậu quả, bố của bị cáo Đ là ông Nguyễn Văn K2 được Nhà nước tặng thưởng huy chương chiến sỹ giải phóng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cân áp dụng các tình tiết giảm nhẹ và áp dụng thêm Điều 54 BLHS để xem xét xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt thể hiện chính sách nhân đạo khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng đề nghị HĐXX giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý với lời bào chữa của các Luật sư và không trình bày, tranh luận gì thêm chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Các quyết định của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung: Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là cơ bản phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, phù hợp với các Bản kết luận định giá tài sản, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ pháp lý kết luận: Vào tháng 5/2019, Đinh Văn H đến cửa hàng mua bán điện thoại di động của Nguyễn Văn Đ, ở khu phố 4, phường TH, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai thỏa thuận với Đ về việc H sẽ bán tài sản trộm cắp được cho Đ thì Đ đồng ý mua. Sau đó, từ tháng 06/2019 đến tháng 02/2020, Đinh Văn H cùng với Công Nhật P đã thực hiện tổng cộng 08 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn các tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước sau đó đem về tỉnh Đồng Nai bán cho Nguyễn Văn Đ rồi lấy tiền chia nhau tiêu xài. Tổng tài sản các bị cáo chiếm đoạt của người bị hại là **1.261.912.800** đồng.

Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại Điều luật nêu trên quy định:

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

....

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;

...”

Xét tính chất vụ án do các bị cáo gây ra là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương. Các bị cáo nhận thức được tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đều bị trừng trị thích đáng và bị xử lý nghiêm minh. Song, do ý thức coi thường pháp luật, vì động cơ tư lợi cá nhân mà các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, cần áp dụng đối với các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian tương xứng, nhằm trừng trị người phạm tội, đồng thời phát huy tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk nói riêng, trên toàn xã hội nói chung.

Trong vụ án này có 3 bị cáo: Bị cáo Đinh Văn H là người khởi xướng và là người cùng với Công Nhật P thực hiện 8 vụ trộm cắp tài sản. Bị cáo Đ là người biết rõ tài sản mà các bị cáo trộm cắp mà có nhưng vẫn mua tạo điều kiện để các bị cáo H, P thực hiện hành vi phạm tội nên cần xem xét phân hóa khi quyết định hình phạt cho từng bị cáo.

[3]. Về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[3.1]. Về nhân thân: Các bị cáo Đinh Văn H và Công Nhật P vào năm 2016 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm tù giam về tội: “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích nhưng tiếp tục phạm tội. Bị cáo H đã nhiều lần phạm tội.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[3.2]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo Đinh Văn H tự nguyện nộp 5.000.000 đồng khắc phục một phần hậu quả, bị cáo Nguyễn Văn Đ tự nguyện nộp 12.000.000 đồng khắc phục một phần hậu quả đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bố của bị cáo Đ là ông Nguyễn Văn K2 được Nhà nước tặng thưởng Huy chương chiến sỹ giải phóng, bị cáo Công nhật P là người dân tộc thiểu số đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự .

[3.3]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo phạm tội hai lần trở lên. Đây là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Đinh Văn H và Công Nhật P: Năm 2016 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm tù giam về tội: Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nhưng tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm. Đây là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4]. Trong vụ án này, đối tượng Đỗ Văn Q, sinh năm 1977, làm nghề kinh doanh điện thoại di động tại: khu phố Q1, phường TB, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai mà bị cáo Nguyễn Văn Đ khai 07 lần cùng với Q chung nhau tiền để mua tài sản trộm cắp của H và P. Trong 07 lần góp chung tiền mua tài sản nói trên thì có 02 lần cuối do Đ về quê nên cho Q số điện thoại của H để Q gọi điện thoại hẹn địa điểm lấy hàng và đưa tiền cho H. Tuy nhiên, việc chung nhau tiền mua bán tài sản giữa Đ và Q không có giấy tờ, sổ sách gì. H và P không biết Q là ai, chỉ thỏa thuận việc bán tài sản trộm cắp được với Đ, 02 lần H giao tài sản cho Q diễn ra ở ngoài đường nên H và P không còn nhận dạng được Q. Hiện nay, chưa xác định được Q đi đâu, làm gì. Do vậy, Cơ quan điều tra tách hành vi của Q để củng cố tài liệu chứng cứ đề xuất xử lý sau là có căn cứ.

Xét ý kiến đề nghị của Luật sư S và ý kiến của Luật sư H về phần định giá tài sản như nêu trên là không có căn cứ nên HĐXX không chấp nhận.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Trong vụ án này bị cáo Đinh Văn H và Công Nhật P là người trộm cắp bán tài sản trộm cắp cho Đ để lấy tiền phục vụ nhu cầu cá nhân, Đ là người bỏ tiền ra để mua bán lại nên cần buộc các bị cáo Đinh Văn H và Công Nhật P phải liên đới bồi thường cho những người bị hại tổng số tiền 1.261.912.800 đồng cụ thể như sau:

- Bồi thường cho chị Trần Thị Thùy A1 là chủ cửa hàng điện thoại “TP” số tiền: 198.080.000 đồng.

- Bồi thường cho anh Đinh Văn A2 là chủ cửa hàng điện thoại “Hoàng A2” số tiền: 465.800.800 đồng.

- Bồi thường cho chị Đỗ Diễm A3 là chủ cửa hàng điện thoại “Sư A3 68” số tiền: 221.000.000 đồng.

- Bồi thường cho chị Lê Thị Mộng A4 là chủ cửa hàng điện thoại “QV” số tiền: 130.400.000 đồng.

- Bồi thường cho anh Lê Mạnh A5 là chủ cửa hàng điện thoại “Thành A5” số tiền: 22.408.000 đồng.

- Bồi thường cho anh Trần Anh A6 là chủ cửa hàng điện thoại “TA” số tiền: 81.170.000 đồng.

- Bồi thường cho anh Nguyễn Văn A7 là chủ cửa hàng điện thoại “A7 Đắc” số tiền: 35.350.000 đồng.

- Bồi thường cho chị Nguyễn Thị A8 là chủ cửa hàng điện thoại “ND” số tiền: 107.704.000 đồng.

[6]. Về xử lý vật chứng:

[6.1]. Quá trình điều tra cơ quan công an điều tra thu giữ tại cửa hàng của Nguyễn Văn Đ số tài sản sau: 15 thẻ sim Viettel, 09 thẻ sim Vinaphone, 09 thẻ sim Mobifone, 12 thẻ sim Vietnamobile, 42 điện thoại di động; 05 máy tính bảng đã qua sử dụng; 396 thẻ cào điện thoại (*tổng giá trị thẻ cào 14.080.000 đồng*). Tại công văn số 318/VKS-P2 ngày 16/4/2021 về việc “Đính chính bản cáo trạng số 217/CT-VKS - P2 ngày 23/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk” xác định : Trong số 42 chiếc điện thoại di động thu giữ tại cửa hàng Nguyễn Văn Đ có 02 chiếc điện thoại di động: Điện thoại di động nhãn hiệu Masstel Q7, số Imei: 86759103523537 và Điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1916, số Imei: 855966048629410 là của cửa hàng điện thoại di động Duy Nhất tại địa chỉ : Thôn TH, xã EH, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên quá trình thu giữ, định giá tài sản và biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/12/2020 của Cục thi hành án Dân sự tỉnh Đắk Lắk không ghi cụ thể nên không thể tuyên trả được cho ai, loại tài sản gì nên cần tuyên trả cho Nguyễn Văn Đ vì toàn bộ tài sản này thu tại cửa hàng Nguyễn Văn Đ mà cơ quan tố tụng không chứng minh được đây là tài sản do các bị cáo trộm cắp .

- Trả lại cho bị cáo Công Nhật P 01 giấy phép lái xe mô tô và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Công Nhật P.

[6.2]. Tịch thu tiêu hủy: 01 xà beng, 01 tăng (nâng) dài khoảng 40cm; 01 tuốc nơ vít; 01 móc lục giác hình chữ L; 01 đôi bao tay và 01 kìm dài khoảng 20cm màu đỏ đen của Công Nhật P; 01 cây gậy; 02 viên gạch, 01 viên đá hộc và 01 khối gạch kích thước (34x18,5x7)cm thu giữ khi khám nghiệm hiện trường; 80 vỏ hộp điện thoại di động thu giữ trong quá trình điều tra, không còn giá trị sử dụng.

[6.3]. Tiếp tục tạm giữ: Cửa bị cáo Đinh Văn H số tiền 5.000.000 đồng và của Nguyễn Văn Đ số tiền 12.000.000 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0001980 ngày 28/12/2020 để đảm bảo công tác thi hành án.

[6.4]. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

- 01 xe mô tô biển số 60B9-213.65 (kèm theo 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 60B9-213.65 mang tên Phan Thị Thu V (*bản sao*)); 01 điện thoại di động Nokia màu đen, có số IMEI là 355820091816399 của Công Nhật P;

- 01 điện thoại di động Nokia màu đen, số IMEI là 354198109974075, có gắn 01 sim Viettel, số seri 8984048000043548175 của Nguyễn Văn Đ;

(Tất cả các tài sản trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/12/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk)

[7]. Về án phí:

[7.1]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Đinh Văn H, Công Nhật P, Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[7.2]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Các bị cáo Đinh Văn H, Công Nhật P, mỗi bị cáo phải chịu: 20.000.000 đồng + [4% X (230.956.400 đồng)] = 29.238.256 đồng án phí DSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố: Các bị cáo Đinh Văn H, Công Nhật P, Nguyễn Văn Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

[2]. Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự .

Xử phạt bị cáo **Đinh Văn H: 16 (Mười sáu) năm tù** về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 22 tháng 3 năm 2020.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Công Nhật P: 15 (Mười lăm) năm tù** về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 22 tháng 3 năm 2020.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự .

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Đ: 12 (Mười hai) năm tù** về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 25 tháng 3 năm 2020.

[3]. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc các bị cáo Đinh Văn H và bị cáo Công Nhật P phải liên đới bồi thường cho những người bị hại tổng cộng số tiền: 1.261.912.800 đồng cụ thể như sau:

[3.1]. Bồi thường cho chị Trần Thị Thùy A1 là chủ cửa hàng điện thoại “TP” số tiền: 198.080.000 đồng (*Một trăm chín mươi tám triệu, không trăm tám mươi ngàn đồng*).

Chia theo phần:

Bị cáo Đinh Văn H bồi thường cho chị Trần Thị Thùy A1 số tiền là: 99.090.000 đồng.

Bị cáo Công Nhật P bồi thường cho chị Trần Thị Thùy A1 số tiền là: 99.090.000 đồng.

[3.2]. Bồi thường cho anh Đinh Văn A2 là chủ cửa hàng điện thoại “Hoàng A2” số tiền: 465.800.800 đồng (*Bốn trăm sáu mươi lăm triệu, tám trăm ngàn, tám trăm đồng*).

Chia theo phần:

Bị cáo Đinh Văn H bồi thường cho anh Đinh Văn A2 số tiền là: 232.900.400 đồng.

Bị cáo Công Nhật P bồi thường cho anh Đinh Văn A2 số tiền là: 232.900.400 đồng.

[3.3]. Bồi thường cho chị Đỗ Diễm A3 là chủ cửa hàng điện thoại “Sự A3 68” số tiền: 221.000.000 đồng (*Hai trăm hai mươi một triệu đồng*).

Chia theo phần:

Bị cáo Đinh Văn H bồi thường cho chị Đỗ Diễm A3 số tiền là: 110.500.000 đồng.

Bị cáo Công Nhật P bồi thường cho chị Đỗ Diễm A3 số tiền là: 110.500.000 đồng.

[3.4]. Bồi thường cho chị Lê Thị Mộng A4 là chủ cửa hàng điện thoại “QV” số tiền: 130.400.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu, bốn trăm ngàn đồng*).

Chia theo phần:

Bị cáo Đinh Văn H bồi thường cho chị Lê Thị Mộng A4 số tiền là: 65.200.000 đồng.

Bị cáo Công Nhật P bồi thường cho chị Lê Thị Mộng A4 số tiền là: 65.200.000 đồng.

[3.5]. Bồi thường cho anh Lê Mạnh A5 là chủ cửa hàng điện thoại “Thành A5” số tiền: 22.408.000 đồng (*Hai mươi hai triệu, bốn trăm linh tám ngàn đồng*).

Chia theo phần:

Bị cáo Đinh Văn H bồi thường cho anh Lê Mạnh A5 số tiền là: 11.204.000 đồng.

Bị cáo Công Nhật P bồi thường cho anh Lê Mạnh A5 số tiền là: 11.204.000 đồng.

[3.6]. Bồi thường cho anh Trần Anh A6 là chủ cửa hàng điện thoại “TA” số tiền: 81.170.000 đồng (*Tám mươi một triệu, một trăm bảy mươi ngàn đồng*).

Chia theo phần:

Bị cáo Đinh Văn H bồi thường cho anh Trần Anh A6 số tiền là: 40.585.000 đồng.

Bị cáo Công Nhật P bồi thường cho anh Trần Anh A6 số tiền là: 40.585.000 đồng.

[3.7]. Bồi thường cho anh Nguyễn Văn A7 là chủ cửa hàng điện thoại “A7 Đắc” số tiền: 35.350.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu, ba trăm năm mươi ngàn đồng*).

Chia theo phần:

Bị cáo Đinh Văn H bồi thường cho anh Nguyễn Văn A7 số tiền là: 17.675.000 đồng.

Bị cáo Công Nhật P bồi thường cho anh Nguyễn Văn A7 số tiền là: 17.675.000 đồng.

[3.8]. Bồi thường cho chị Nguyễn Thị A8 là chủ cửa hàng điện thoại “ND” số tiền: 107.704.000 đồng (*Một trăm lẻ bảy triệu bảy trăm lẻ bốn ngàn đồng*).

Chia theo phần:

Bị cáo Đinh Văn H bồi thường cho chị Nguyễn Thị A8 số tiền là: 53.852.000 đồng.

Bị cáo Công Nhật P bồi thường cho chị Nguyễn Thị A8 số tiền là: 53.852.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4]. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[4.1]. Tịch thu tiêu hủy: 01 xà beng, 01 tăng (nâng) dài khoảng 40cm; 01 tuốc nơ vít; 01 móc lục giác hình chữ L; 01 đôi bao tay và 01 kìm dài khoảng 20cm màu đỏ đen của Công Nhật P; 01 cây gỗ; 02 viên gạch, 01 viên đá hộc và 01 khối gạch kích thước (34x18,5x7)cm thu giữ khi khám nghiệm hiện trường; 80 vỏ hộp điện thoại di động thu giữ trong quá trình điều tra, không còn giá trị sử dụng.

[4.2]. - Trả lại cho bị cáo Công Nhật P 01 giấy phép lái xe mô tô và 01 giấy chứng minh thư nhân dân mang tên Công Nhật P.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Đ 15 thẻ sim viettel, 09 thẻ sim Vinaphone, 09 thẻ sim Mobifone, 12 thẻ sim Vienammobile, 42 điện thoại di động; 05 máy tính bảng đã qua sử dụng; 396 thẻ cào điện thoại (*tổng giá trị thẻ cào 14.080.000 đồng*) thu giữ tại cửa hàng của Nguyễn Văn Đ.

[4.3]. Tiếp tục tạm giữ: Của bị cáo Đinh Văn H số tiền 5.000.000 đồng và của Nguyễn Văn Đ số tiền 12.000.000 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0001980 ngày 28/12/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk để đảm bảo công tác thi hành án.

[4.4]. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

- 01 xe mô tô biển số 60B9-213.65 (kèm theo 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 60B9-213.65 mang tên Phan Thị Thu V (*bản sao*)); 01 điện thoại di động Nokia màu đen, có số IMEI là 355820091816399 của Công Nhật P;

- 01 điện thoại di động Nokia màu đen, số IMEI là 354198109974075, có gắn 01 sim Viettel, số seri 8984048000043548175 của Nguyễn Văn Đ;

(Tất cả các tài sản trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/12/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk)

[5]. Về án phí:

[5.1]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Đinh Văn H, Công Nhật P, Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

[5.2]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bị cáo Đinh Văn H, Công Nhật P mỗi bị cáo phải chịu 29.238.256 đồng (*Hai mươi chín triệu hai trăm ba tám nghìn hai trăm năm sáu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Văn Công Dân

